

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a01

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110002	THÁI THẾ AN	08/06/2005	Nam	11001	
2	110003	THẠCH TỔNG HẠNH AN	25/03/2005	Nữ	11001	
3	110008	ĐỖ THỊ QUỲNH ANH	14/11/2005	Nữ	11001	
4	110023	ĐÀO THỊ HỒNG ÁNH	21/08/2005	Nữ	11002	
5	110043	NGUYỄN THANH BÌNH	18/07/2005	Nam	11003	
6	110047	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	01/10/2005	Nữ	11003	
7	110059	NGUYỄN HOÀNG DUY	01/03/2005	Nam	11003	
8	110065	BÙI QUANG DŨNG	18/03/2005	Nam	11004	
9	110078	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	22/11/2005	Nam	11004	
10	110085	TRẦN TẤN ĐẠT	18/01/2005	Nam	11005	
11	110087	LÊ THIÊN ĐỊNH	17/04/2005	Nam	11005	
12	110088	MAI TRẦN KHÁNH ĐOAN	23/05/2005	Nữ	11005	
13	110102	NGUYỄN LÊ GIA HÂN	14/11/2005	Nữ	11005	
14	110110	VÕ NGUYỄN NGỌC HÂN	12/08/2005	Nữ	11006	
15	110143	NGUYỄN TRẦN QUANG HUY	13/12/2005	Nam	11007	
16	110152	DƯƠNG THẾ KHANG	19/09/2005	Nam	11008	
17	110162	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	21/03/2005	Nam	11008	
18	110170	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG KHOA	19/06/2005	Nam	11009	
19	110179	VÕ ĐOÀN MINH KHÔI	15/05/2005	Nam	11009	
20	110208	TRẦN VĂN LÝ	06/01/2005	Nam	11010	
21	110213	VÕ THỊ THANH MAI	03/10/2005	Nữ	11011	
22	110222	HOÀNG HẢI NAM	22/06/2005	Nam	11011	
23	110225	NGUYỄN HOÀNG NAM	15/02/2005	Nam	11011	
24	110231	TRINH VŨ HUYỀN NGÀ	03/11/2005	Nữ	11011	
25	110238	LÊ QUỲNH KIM NGÂN	19/07/2005	Nữ	11012	
26	110244	PHẠM THU NGÂN	26/02/2005	Nữ	11012	
27	110275	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	07/08/2005	Nữ	11014	
28	110290	NGUYỄN PHẠM NGỌC NỮ	07/08/2005	Nữ	11014	
29	110315	VŨ ĐÌNH PHƯỚC	13/06/2005	Nam	11015	
30	110320	TRẦN VŨ QUYỀN	02/05/2002	Nam	11016	
31	110321	ĐẶNG PHƯƠNG QUỲNH	27/08/2005	Nữ	11016	
32	110335	LÊ VŨ LINH TÂM	11/07/2005	Nam	11016	
33	110336	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	28/11/2005	Nữ	11016	
34	110372	BÙI NGỌC THƠ	28/03/2005	Nữ	11018	
35	110380	ĐÌNH HỒ ANH THƯ	30/10/2005	Nữ	11019	
36	110395	VŨ ĐẶNG MINH THƯ	13/02/2005	Nữ	11019	
37	110406	PHAN THỊ CẨM TIỀN	24/01/2005	Nữ	11020	
38	110414	NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	27/08/2005	Nữ	11020	
39	110438	NGUYỄN HỒ THANH TRÚC	28/12/2005	Nữ	11022	
40	110452	LÊ HUỲNH CẨM TÚ	03/11/2005	Nữ	11022	
41	110483	NGUYỄN THÚY VY	06/08/2005	Nữ	11024	
42	110490	TRẦN THÚY VY	09/07/2005	Nữ	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a02

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110006	BÙI THỊ TRÂM ANH	13/07/2005	Nữ	11001	
2	110013	NGUYỄN HÀ ANH	29/05/2005	Nữ	11001	
3	110027	DƯƠNG THÊ BẢO	18/11/2005	Nam	11002	
4	110032	NGUYỄN GIA BẢO	22/04/2005	Nam	11002	
5	110058	LÝ ĐẶNG THANH DUY	23/03/2005	Nam	11003	
6	110068	LAI MINH DŨNG	27/05/2005	Nam	11004	
7	110072	TRẦN THÁI ANH DŨNG	04/08/2004	Nam	11004	
8	110092	TRẦN QUỲNH GIAO	06/08/2005	Nữ	11005	
9	110108	TRẦN GIA HÂN	24/09/2005	Nữ	11006	
10	110161	NGUYỄN HỮU KHÁNH	13/11/2005	Nam	11008	
11	110176	TRẦN ANH KHÔI	21/03/2005	Nam	11009	
12	110186	NGUYỄN TUẤN KIẾT	22/07/2005	Nam	11009	
13	110190	NGÔ NGUYỄN HOÀNG KIM	03/01/2005	Nữ	11010	
14	110192	NGUYỄN PHAN KIM LIÊN	30/08/2005	Nữ	11010	
15	110217	NGUYỄN NINH TRÀ MY	30/09/2005	Nữ	11011	
16	110221	ĐÀO ĐỊNH NAM	21/12/2005	Nam	11011	
17	110227	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	18/12/2005	Nam	11011	
18	110252	HUỲNH THỊ BẢO NGỌC	04/03/2005	Nữ	11012	
19	110253	LÊ XUÂN NGỌC	08/07/2005	Nữ	11013	
20	110262	NGUYỄN TRỌNG NGUYỄN	09/12/2005	Nam	11013	
21	110265	LÝ THÁI THÀNH NHÂN	16/07/2005	Nam	11013	
22	110271	HUỲNH THỊ YẾN NHI	22/11/2005	Nữ	11013	
23	110273	LÊ NGỌC ÁNH NHI	11/09/2005	Nữ	11013	
24	110292	TRẦN NGỌC VĨNH PHÁT	15/10/2005	Nam	11014	
25	110298	TRẦN NGỌC PHÚ	18/06/2005	Nam	11015	
26	110300	NGÔ NGUYỄN THANH PHÚC	17/12/2005	Nữ	11015	
27	110327	PHẠM TRINH MINH SƠN	26/10/2005	Nam	11016	
28	110330	NGUYỄN TẤN TÀI	25/03/2005	Nam	11016	
29	110347	TRẦN QUANG THANH	13/12/2005	Nam	11017	
30	110356	NGUYỄN KIỀU THU THẢO	23/01/2005	Nữ	11017	
31	110370	NGUYỄN NGỌC HỒNG THOA	26/03/2005	Nữ	11018	
32	110373	LŨ NGỌC ANH THƠ	13/06/2005	Nam	11018	
33	110375	VŨ THỊ PHƯƠNG THÙY	10/11/2005	Nữ	11018	
34	110392	PHẠM NGUYỄN ANH THƯ	15/04/2005	Nữ	11019	
35	110397	VÕ THỊ NGỌC THƯ	15/09/2005	Nữ	11019	
36	110399	VŨ THỊ ANH THƯ	11/08/2005	Nữ	11020	
37	110404	NGUYỄN LÊ CẨM TIÊN	05/11/2005	Nữ	11020	
38	110415	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	26/11/2005	Nữ	11020	
39	110417	TRẦN THỊ THÙY TRANG	01/05/2005	Nữ	11020	
40	110461	PHẠM LÊ TƯỜNG VĂN	18/04/2005	Nam	11023	
41	110463	LÊ THANH VÂN	07/12/2005	Nữ	11023	
42	110474	LÊ KHÁNH VY	23/12/2005	Nữ	11023	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a03

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110024	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	06/03/2005	Nữ	11002	
2	110039	VŨ NGUYỄN BẰNG	04/11/2005	Nam	11002	
3	110067	HỒ HOÀNG TUẤN DŨNG	03/04/2005	Nam	11004	
4	110073	ĐINH PHÚ DƯƠNG	07/07/2005	Nam	11004	
5	110080	NGÔ MẠNH ĐẠT	10/08/2005	Nam	11004	
6	110100	LƯƠNG NGUYỄN BẢO HÂN	24/05/2005	Nữ	11005	
7	110107	TRẦN GIA HÂN	17/10/2005	Nữ	11006	
8	110128	NGUYỄN HUY HOÀNG	23/09/2005	Nam	11007	
9	110130	NGUYỄN MINH HOÀNG	22/09/2005	Nam	11007	
10	110136	THÔNG NGỌC HỒNG	06/11/2005	Nữ	11007	
11	110141	NGUYỄN GIA HUY	23/04/2005	Nam	11007	
12	110144	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	17/09/2005	Nữ	11007	
13	110177	TRẦN HỮU ANH KHÔI	23/11/2005	Nam	11009	
14	110188	PHẠM ANH KIẾT	18/08/2005	Nam	11009	
15	110193	ĐẶNG KHÁNH LINH	15/07/2005	Nữ	11010	
16	110196	HÀNG KHÁNH LINH	22/05/2005	Nữ	11010	
17	110201	ĐINH KỶ LONG	13/09/2005	Nam	11010	
18	110223	LÊ CÔNG HẢI NAM	15/08/2005	Nam	11011	
19	110228	NGUYỄN TRỌNG NAM	07/01/2005	Nam	11011	
20	110243	PHẠM KIM NGÂN	16/07/2005	Nữ	11012	
21	110248	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	02/06/2005	Nữ	11012	
22	110276	TÔN NGUYỄN THẢO NHI	27/05/2005	Nữ	11014	
23	110281	HUỲNH TUYẾT NHƯ	19/03/2005	Nữ	11014	
24	110282	LÊ NGUYỄN NGỌC NHƯ	04/07/2005	Nữ	11014	
25	110285	NGUYỄN NGỌC THIÊN NHƯ	20/06/2005	Nữ	11014	
26	110331	NGUYỄN THANH TÀI	03/08/2005	Nam	11016	
27	110339	NGUYỄN MINH TÂN	13/09/2005	Nam	11017	
28	110340	NGUYỄN VÕ NGỌC TÂN	23/04/2005	Nam	11017	
29	110369	VÕ HOÀNG THỊNH	25/03/2005	Nam	11018	
30	110383	HUỲNH ANH THƯ	17/11/2005	Nữ	11019	
31	110393	TA NGUYỄN ANH THƯ	11/05/2005	Nữ	11019	
32	110411	NGUYỄN VÕ SONG TOÀN	09/02/2005	Nam	11020	
33	110428	TRƯƠNG KHẢ TRẦN	04/01/2005	Nữ	11021	
34	110441	TRẦN LÂM NHÃ TRÚC	16/09/2005	Nữ	11022	
35	110446	NGUYỄN HỒ QUÊ TUYỀN	18/09/2005	Nữ	11022	
36	110449	NGUYỄN THANH TÙNG	11/11/2005	Nam	11022	
37	110472	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG VY	26/06/2005	Nữ	11023	
38	110479	NGUYỄN THỊ HIỀN VY	07/02/2005	Nữ	11024	
39	110488	TRẦN HUỲNH ĐANG VY	02/11/2005	Nữ	11024	
40	110495	DƯƠNG PHI YẾN	02/05/2005	Nữ	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a04

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110029	HỒ NGỌC GIA BẢO	16/08/2005	Nam	11002	
2	110035	TRẦN HUỖNH THIÊN BẢO	16/10/2005	Nữ	11002	
3	110040	LÊ PHAN THANH BÌNH	11/06/2005	Nữ	11002	
4	110046	NGUYỄN HOÀNG NGỌC CHÂU	01/12/2005	Nữ	11003	
5	110053	VŨ THỊ KIỀU DIỄM	13/02/2005	Nữ	11003	
6	110075	NGUYỄN TRẦN ANH ĐÀO	22/03/2005	Nữ	11004	
7	110082	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	11/05/2005	Nam	11004	
8	110089	LƯU PHƯƠNG ĐÔNG	09/03/2005	Nam	11005	
9	110094	VÕ VĂN SONG HÀO	26/03/2005	Nam	11005	
10	110121	LÊ NGUYỄN TRUNG HIẾU	29/01/2005	Nam	11006	
11	110123	NGUYỄN ĐÌNH HIẾN	31/07/2005	Nam	11006	
12	110156	TRƯƠNG MINH KHANG	02/11/2005	Nam	11008	
13	110175	NGUYỄN MINH KHÔI	09/03/2005	Nam	11009	
14	110185	NGÔ TUẤN KIẾT	20/08/2005	Nam	11009	
15	110199	NGUYỄN YẾN LINH	21/06/2005	Nữ	11010	
16	110204	BÙI SỸ LUẬN	19/01/2005	Nam	11010	
17	110206	TRẦN NGUYỄN THÀNH LUẬN	03/06/2005	Nam	11010	
18	110220	ĐÀO THỊ MỸ	28/10/2005	Nữ	11011	
19	110237	LÊ NGUYỄN TUYẾT NGÂN	23/07/2005	Nữ	11012	
20	110240	NGUYỄN NGỌC BÍCH NGÂN	03/12/2005	Nữ	11012	
21	110250	LÊ HỮU NGHĨA	21/11/2005	Nam	11012	
22	110251	HUỖNH LÊ BẢO NGỌC	12/04/2005	Nữ	11012	
23	110267	TRẦN ĐỖ DANH NHÂN	05/02/2005	Nam	11013	
24	110279	BÙI NGUYỄN THU NHIỀU	24/10/2005	Nữ	11014	
25	110293	VÕ TẤN PHÁT	08/10/2004	Nam	11014	
26	110301	NGUYỄN NGỌC PHÚC	18/10/2005	Nam	11015	
27	110303	CAO LÊ THANH PHỤNG	11/09/2005	Nữ	11015	
28	110306	THÁI HOÀNG KIM PHỤNG	18/03/2005	Nữ	11015	
29	110313	DƯƠNG HOÀNG PHƯỚC	22/11/2005	Nam	11015	
30	110319	TÔ QUANG QUYỀN	28/01/2005	Nam	11016	
31	110337	VŨ KHÁNH TÂM	12/10/2005	Nữ	11017	
32	110338	NGUYỄN DUY TÂN	30/04/2005	Nam	11017	
33	110378	CHÊ THỊ MINH THƯ	25/10/2005	Nữ	11019	
34	110394	TRẦN THỊ MINH THƯ	06/05/2005	Nữ	11019	
35	110402	DƯƠNG THỦY TIỀN	17/01/2005	Nữ	11020	
36	110426	PHẠM NGỌC HUYỀN TRẦN	16/08/2005	Nữ	11021	
37	110430	LÊ THỊ PHƯƠNG TRINH	20/06/2005	Nữ	11021	
38	110443	NGÔ THANH TUẤN	18/01/2005	Nam	11022	
39	110485	PHẠM ĐOÀN THÚY VY	22/11/2005	Nữ	11024	
40	110486	PHẠM THỊ YẾN VY	18/04/2005	Nữ	11024	
41	110494	LƯU KIM XUYẾN	17/11/2005	Nữ	11024	
42	110497	TRẦN NHƯ Ý	05/07/2005	Nữ	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a05

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110014	NGUYỄN MINH ANH	02/01/2005	Nữ	11001	
2	110028	HOÀNG GIA BẢO	29/06/2005	Nam	11002	
3	110060	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	15/05/2005	Nam	11003	
4	110061	TRẦN DŨ DUY	09/06/2005	Nam	11003	
5	110063	PHẠM HUỲNH BẢO DUYÊN	13/08/2005	Nữ	11003	
6	110066	HOÀNG ĐÌNH DŨNG	26/02/2005	Nam	11004	
7	110076	NGUYỄN HOÀNG ĐAI	05/01/2005	Nam	11004	
8	110083	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	19/07/2005	Nam	11004	
9	110097	PHAN THỊ HỒNG HẠNH	23/03/2005	Nữ	11005	
10	110101	NGÔ THỊ NGỌC HÂN	17/10/2005	Nữ	11005	
11	110109	TRẦN NGỌC HÂN	01/10/2005	Nữ	11006	
12	110117	NGUYỄN THU HIỀN	04/03/2005	Nữ	11006	
13	110133	VŨ HOÀNG	17/10/2005	Nam	11007	
14	110146	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	30/01/2005	Nữ	11007	
15	110174	NGUYỄN ANH KHÔI	16/03/2005	Nam	11009	
16	110183	HUỲNH HÀO KIẾT	10/10/2005	Nam	11009	
17	110184	LÊ PHÚ KIẾT	28/07/2004	Nam	11009	
18	110212	PHƯƠNG THANH MAI	24/09/2005	Nữ	11011	
19	110218	THÁI DIỄM MỸ	27/01/2005	Nữ	11011	
20	110245	ỪNG KIM NGÂN	25/01/2005	Nữ	11012	
21	110246	ĐẶNG HUY NGHI	04/06/2005	Nam	11012	
22	110256	NGUYỄN PHAN NHƯ NGỌC	27/07/2005	Nữ	11013	
23	110268	LÊ HOÀNG THIÊN MINH NHẬT	01/01/2005	Nam	11013	
24	110278	VÕ NGỌC YẾN NHI	17/07/2005	Nữ	11014	
25	110296	NGUYỄN CAO HOÀNG PHÚ	24/12/2005	Nam	11015	
26	110307	CAO HÀ PHƯƠNG	28/05/2005	Nữ	11015	
27	110308	LÂM QUÊ PHƯƠNG	21/03/2005	Nữ	11015	
28	110314	LÊ NGUYỄN TIẾN PHƯỚC	03/08/2005	Nam	11015	
29	110317	HỒ MAI QUẾ	31/10/2005	Nữ	11016	
30	110326	TRẦN QUỐC SANG	30/09/2005	Nam	11016	
31	110343	HUỲNH THỊ KIM THANH	12/10/2005	Nữ	11017	
32	110360	TRẦN VĂN THẾ	07/04/2005	Nam	11018	
33	110367	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	14/12/2005	Nam	11018	
34	110389	NGUYỄN THANH THƯ	04/06/2005	Nữ	11019	
35	110407	TRẦN THỊ CẨM TIỀN	24/12/2005	Nữ	11020	
36	110408	LÊ THỊ NGỌC TÌNH	27/10/2005	Nữ	11020	
37	110421	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	01/01/2004	Nữ	11021	
38	110439	NGUYỄN THANH TRÚC	27/10/2005	Nữ	11022	
39	110451	ĐẶNG LÊ THANH TÚ	25/07/2005	Nam	11022	
40	110480	NGUYỄN THỊ NGỌC VY	14/09/2005	Nữ	11024	
41	110493	NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN	25/02/2005	Nam	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a06

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110017	NGUYỄN TUẤN ANH	06/08/2005	Nam	11001	
2	110020	TRẦN HIẾU ANH	25/03/2005	Nữ	11001	
3	110026	CÔ DUY BẢO	20/05/2005	Nam	11002	
4	110034	NGUYỄN LÊ THIÊN BẢO	18/07/2005	Nam	11002	
5	110041	NGÔ ĐỨC BÌNH	30/08/2005	Nam	11002	
6	110049	HUỖNH PHƯƠNG UYÊN CHI	10/08/2005	Nữ	11003	
7	110051	NGUYỄN CAO CƯỜNG	11/03/2005	Nam	11003	
8	110054	LƯƠNG QUỐC DINH	03/01/2005	Nam	11003	
9	110064	VÕ HÀ NGỌC DUYÊN	03/07/2005	Nữ	11004	
10	110069	LÊ DŨNG	11/07/2005	Nam	11004	
11	110091	LÊ CAO HUỖNH GIAO	03/07/2005	Nữ	11005	
12	110103	NGUYỄN THỊ BẢO HÂN	17/10/2005	Nữ	11005	
13	110138	CHÂU NHẬT HUY	14/08/2005	Nam	11007	
14	110140	LÊ QUỐC HUY	20/05/2005	Nam	11007	
15	110147	NGUYỄN NGỌC CẨM HUỖNH	23/04/2005	Nữ	11007	
16	110149	LƯƠNG THỊ NGỌC HƯƠNG	31/01/2005	Nữ	11008	
17	110151	VÕ XUÂN HƯƠNG	04/02/2005	Nữ	11008	
18	110159	HỒ QUỐC KHÁNH	25/01/2005	Nam	11008	
19	110182	DƯƠNG ĐÌNH TUẤN KIẾT	05/07/2005	Nam	11009	
20	110187	NGUYỄN TUẤN KIẾT	14/01/2005	Nam	11009	
21	110235	HUỖNH TRẦN BẢO NGÂN	13/01/2005	Nữ	11012	
22	110242	PHAN NGỌC YẾN NGÂN	08/09/2005	Nữ	11012	
23	110255	NGUYỄN HUỖNH NGỌC	13/08/2005	Nữ	11013	
24	110258	PHẠM YẾN NGỌC	21/01/2005	Nữ	11013	
25	110259	VÕ NGUYỄN BẢO NGỌC	09/03/2005	Nữ	11013	
26	110277	TRINH NGUYỄN UYÊN NHI	28/04/2005	Nữ	11014	
27	110286	NGUYỄN THỊ TRÂM NHƯ	23/02/2005	Nữ	11014	
28	110288	BÙI MINH NHỰT	12/08/2005	Nam	11014	
29	110309	LÊ HUỖNH NHÃ PHƯƠNG	15/11/2005	Nữ	11015	
30	110316	HỒ NGỌC QUAN	13/06/2005	Nam	11016	
31	110345	NGUYỄN VĂN THANH	12/05/2005	Nam	11017	
32	110351	HUỖNH PHƯỚC THÁI	13/06/2005	Nam	11017	
33	110374	LÊ NGỌC MINH THUẬN	18/09/2005	Nam	11018	
34	110385	LÊ THÁI MINH THƯ	14/10/2005	Nữ	11019	
35	110416	TRẦN NGUYỄN QUÊ TRANG	31/01/2005	Nữ	11020	
36	110419	ĐẶNG THỊ BÍCH TRÂM	29/06/2005	Nữ	11021	
37	110425	VÕ THỊ NGỌC TRÂM	14/11/2005	Nữ	11021	
38	110436	VŨ VĂN TRUNG	20/03/2005	Nam	11021	
39	110444	NGUYỄN HỮU THÁI TUẤN	01/01/2005	Nam	11022	
40	110453	LÊ NGUYỄN CẨM TÚ	17/01/2005	Nữ	11022	
41	110456	NGUYỄN NGỌC BẢO UYÊN	08/01/2005	Nữ	11022	
42	110482	NGUYỄN THỊ YẾN VY	26/09/2005	Nữ	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a07

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110005	VĂN BÌNH AN	25/09/2005	Nam	11001	
2	110007	ĐẶNG TUẤN ANH	07/11/2005	Nam	11001	
3	110015	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH	17/04/2005	Nữ	11001	
4	110030	LƯU GIA BẢO	14/10/2005	Nam	11002	
5	110037	TRẦN QUỐC BẢO	17/03/2005	Nam	11002	
6	110050	BÙI ĐÌNH CHIẾN	13/11/2005	Nam	11003	
7	110090	TRẦN THANH HƯƠNG GIANG	29/11/2005	Nữ	11005	
8	110106	PHAN NGỌC BẢO HÂN	13/12/2005	Nữ	11006	
9	110112	Đinh Thị Thúy Hiền	11/03/2005	Nữ	11006	
10	110119	TRẦN LÊ KIM HIỀN	07/08/2005	Nữ	11006	
11	110122	TRẦN BẢO HIẾU	18/12/2005	Nam	11006	
12	110153	NGUYỄN CAO GIA KHANG	21/07/2005	Nam	11008	
13	110195	ĐỖ THỊ MỸ LINH	07/03/2005	Nữ	11010	
14	110202	NGUYỄN DŨNG UY LONG	19/09/2005	Nam	11010	
15	110214	NGUYỄN TUẤN MINH	27/04/2005	Nam	11011	
16	110215	NGUYỄN VÕ GIA MINH	26/10/2005	Nam	11011	
17	110233	DƯƠNG KIM NGÂN	10/05/2005	Nữ	11012	
18	110270	ĐOÀN TUYẾT NHI	04/10/2004	Nữ	11013	
19	110283	NGUYỄN CHÂU QUỲNH NHƯ	12/02/2005	Nữ	11014	
20	110297	NGUYỄN TRIỆU PHÚ	20/01/2005	Nam	11015	
21	110304	DƯƠNG TRẦN KIM PHỤNG	13/04/2005	Nữ	11015	
22	110332	NGUYỄN TRÍ TÀI	28/06/2005	Nam	11016	
23	110333	TIÊU THANH TÀI	20/08/2005	Nam	11016	
24	110344	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	17/09/2005	Nữ	11017	
25	110346	TRẦN CAO NGUYỆT THANH	09/09/2005	Nữ	11017	
26	110352	LÊ NGUYỄN HOÀNG THÁI	30/04/2004	Nam	11017	
27	110366	ĐỖ PHƯƠNG NHẬT THỊNH	20/10/2005	Nam	11018	
28	110387	NGÔ HUỲNH ANH THƯ	19/04/2005	Nữ	11019	
29	110398	VÕ TRẦN THỊ ANH THƯ	28/02/2005	Nữ	11020	
30	110413	NGUYỄN NGỌC THANH TRANG	29/05/2005	Nữ	11020	
31	110418	NGUYỄN NGỌC THANH TRÀ	27/11/2005	Nữ	11021	
32	110423	PHAN NGỌC PHƯƠNG TRÂM	10/11/2005	Nữ	11021	
33	110427	TRẦN NGỌC QUẾ TRẦN	19/12/2005	Nữ	11021	
34	110434	DƯƠNG MINH TRUNG	28/09/2005	Nam	11021	
35	110455	ĐẶNG TRẦN PHƯƠNG UYÊN	24/02/2005	Nữ	11022	
36	110464	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	25/01/2005	Nữ	11023	
37	110466	LÊ ÁNH VI	16/07/2005	Nữ	11023	
38	110467	TRẦN QUỐC VIỆT	25/11/2005	Nam	11023	
39	110468	TRẦN QUANG VINH	27/11/2005	Nam	11023	
40	110476	LÊ THỊ LAN VY	19/09/2005	Nữ	11023	
41	110478	NGUYỄN HỒ YẾN VY	25/08/2005	Nữ	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a08

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110001	NGUYỄN MINH AN	25/10/2004	Nam	11001	
2	110022	VŨ VĂN HẢI ANH	22/11/2004	Nam	11002	
3	110042	NGUYỄN PHAN CÔNG BÌNH	21/04/2005	Nam	11002	
4	110044	TRẦN THỊ HỒNG CẨM	03/06/2005	Nữ	11003	
5	110071	NGUYỄN TIẾN DŨNG	24/11/2005	Nam	11004	
6	110084	TRẦN CẢNH ĐẠT	24/01/2005	Nam	11004	
7	110096	NGUYỄN PHÚC HẢI	19/01/2005	Nam	11005	
8	110104	NGUYỄN THỊ GIA HÂN	10/11/2005	Nữ	11005	
9	110115	NGÔ THỊ THANH HIỀN	12/11/2005	Nữ	11006	
10	110126	ĐOÀN KIM HOÀNG	17/04/2005	Nữ	11006	
11	110127	LÊ TRÚC HUY HOÀNG	12/11/2005	Nam	11007	
12	110142	NGUYỄN GIA HUY	28/06/2005	Nam	11007	
13	110145	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	23/11/2005	Nữ	11007	
14	110155	TRẦN NHẬT KHANG	01/10/2005	Nam	11008	
15	110165	VÕ QUỐC KHÁNH	02/09/2005	Nam	11008	
16	110167	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	02/08/2005	Nam	11008	
17	110219	VÕ THỊ KIỀU MY	26/10/2005	Nữ	11011	
18	110241	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	01/04/2005	Nữ	11012	
19	110257	PHẠM ÁNH NGỌC	26/11/2005	Nữ	11013	
20	110260	ĐẶNG HOÀNG KHÁNH NGUYỄN	07/08/2005	Nữ	11013	
21	110261	ĐỖ VŨ NGUYỄN	18/04/2005	Nam	11013	
22	110263	TRẦN HUỖNH THANH NHÃ	10/06/2005	Nữ	11013	
23	110266	NGUYỄN THÀNH NHÂN	28/02/2005	Nam	11013	
24	110291	GIANG HOÀNG PHÁT	21/09/2005	Nam	11014	
25	110299	LÊ THIÊN PHÚC	20/10/2005	Nam	11015	
26	110305	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG	26/08/2005	Nữ	11015	
27	110322	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	05/08/2005	Nữ	11016	
28	110368	TRẦN PHẠM HƯNG THỊNH	24/08/2005	Nam	11018	
29	110379	ĐẶNG HỒNG THƯ	12/08/2005	Nữ	11019	
30	110382	HUỖNH ANH THƯ	10/02/2005	Nữ	11019	
31	110400	TÀ NGUYỄN DUY THỨC	14/05/2005	Nam	11020	
32	110401	CAO THỊ THỦY TIỀN	08/04/2005	Nữ	11020	
33	110409	PHAN VÕ TRUNG TÍNH	23/09/2005	Nam	11020	
34	110410	NGUYỄN BẢO TOÀN	12/03/2005	Nam	11020	
35	110424	VÕ HUỖNH BẢO TRÂM	10/03/2005	Nữ	11021	
36	110437	LÊ THỊ KIM TRÚC	05/03/2005	Nữ	11021	
37	110442	VÕ NGUYỄN THANH TRÚC	15/02/2005	Nữ	11022	
38	110447	TRỊNH MINH HOA TUYẾT	24/10/2005	Nữ	11022	
39	110450	BÙI LÊ CẨM TÚ	03/02/2005	Nữ	11022	
40	110462	HOÀNG THU VÂN	01/05/2005	Nữ	11023	
41	110487	TÀ MỸ THẢO VY	14/05/2005	Nữ	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a09

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110004	THACH TÚ AN	21/02/2005	Nam	11001	
2	110018	NGUYỄN VIỆT NHẬT ANH	21/07/2005	Nam	11001	
3	110021	TRẦN TUẤN ANH	04/03/2005	Nam	11001	
4	110045	ĐÌNH HOÀNG BĂNG CHÂU	31/12/2005	Nữ	11003	
5	110052	VƯƠNG MẠNH CƯỜNG	09/11/2005	Nam	11003	
6	110056	VÕ THỊ MỸ DUNG	12/10/2005	Nữ	11003	
7	110062	VŨ KHÁNH DUY	26/09/2005	Nam	11003	
8	110074	TRẦN NGUYỄN THỦY DƯƠNG	29/01/2005	Nữ	11004	
9	110081	NGÔ TẤN ĐẠT	06/08/2005	Nam	11004	
10	110131	PHAN THANH HOÀNG	28/08/2005	Nam	11007	
11	110135	NGUYỄN THIÊN HỒNG	24/08/2005	Nữ	11007	
12	110148	MAI QUỐC HÙNG	08/05/2005	Nam	11008	
13	110150	NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG	05/02/2005	Nữ	11008	
14	110158	ĐẶNG TRẦN LƯU KHÁNH	26/07/2005	Nữ	11008	
15	110160	LƯU GIA KHÁNH	30/03/2005	Nam	11008	
16	110169	TRẦN ĐĂNG KHOA	07/01/2005	Nam	11009	
17	110180	HUỲNH LÊ TRUNG KIÊN	05/08/2005	Nam	11009	
18	110232	VŨ THỊ HỒNG NGÁT	31/08/2005	Nữ	11012	
19	110234	ĐỖ ÁNH NGÂN	03/07/2005	Nữ	11012	
20	110249	TRẦN THỊ BẢO NGHI	13/10/2005	Nữ	11012	
21	110254	NGUYỄN HỒNG BẢO NGỌC	22/11/2005	Nữ	11013	
22	110274	NGUYỄN DƯƠNG YẾN NHI	14/05/2005	Nữ	11014	
23	110287	TRƯƠNG NGỌC MINH NHƯ	24/12/2005	Nữ	11014	
24	110294	LÊ HOÀNG BẢO PHI	09/04/2005	Nam	11014	
25	110302	NGUYỄN VÔ HOÀNG PHÚC	14/04/2005	Nam	11015	
26	110310	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	04/01/2005	Nữ	11015	
27	110318	PHẠM HUỲNH NGỌC QUÍ	18/07/2005	Nữ	11016	
28	110323	TRƯƠNG LƯU ĐẮC QUÝ	07/09/2005	Nam	11016	
29	110334	HỒ THỊ THANH TÂM	12/08/2005	Nữ	11016	
30	110342	VÔ HUỲNH MINH TẤN	06/10/2005	Nam	11017	
31	110353	ĐÌNH PHÚC THẢO	29/12/2005	Nam	11017	
32	110365	ĐẶNG NGUYỄN CƯỜNG THỊNH	26/12/2005	Nam	11018	
33	110384	LÊ HUỲNH ANH THƯ	23/07/2005	Nữ	11019	
34	110390	NGUYỄN THỊ HỒNG THƯ	30/08/2005	Nữ	11019	
35	110391	NGUYỄN THỊ THANH THƯ	29/10/2005	Nữ	11019	
36	110431	TRẦN THỦY PHƯƠNG TRINH	11/12/2005	Nữ	11021	
37	110448	PHAN TRỌNG TUYẾN	15/04/2005	Nam	11022	
38	110454	NGUYỄN LÊ CẨM TÚ	09/05/2005	Nữ	11022	
39	110459	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	07/08/2005	Nữ	11023	
40	110481	NGUYỄN THỊ THANH VY	15/05/2005	Nữ	11024	
41	110491	VÔ LÊ ANH VY	30/01/2005	Nữ	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a10

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110010	LÊ HOÀI NGOC ANH	13/10/2005	Nữ	11001	
2	110012	NGÔ LÊ TUẤN ANH	22/11/2005	Nam	11001	
3	110019	PHẠM TRẦN PHƯỚC ANH	23/02/2005	Nam	11001	
4	110031	NGUYỄN CHỈ BẢO	25/09/2005	Nam	11002	
5	110033	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	13/08/2005	Nam	11002	
6	110098	DƯƠNG VÕ GIA HÂN	16/02/2005	Nữ	11005	
7	110105	NGUYỄN THUY KHÁNH HÂN	25/04/2005	Nữ	11005	
8	110114	LÊ THỊ DIỆU HIỀN	01/02/2005	Nữ	11006	
9	110118	NGUYỄN TRẦN THANH HIỀN	24/07/2005	Nam	11006	
10	110125	TRƯƠNG TUẤN HIỆP	26/07/2005	Nam	11006	
11	110132	PHẠM MINH HOÀNG	07/11/2005	Nam	11007	
12	110157	BÙI NGỌC CÁT KHÁNH	05/12/2005	Nữ	11008	
13	110168	PHẠM HOÀNG ĐĂNG KHOA	16/06/2005	Nam	11008	
14	110171	VÕ MINH KHOA	06/08/2005	Nam	11009	
15	110173	HUỖNH HOÀNG HUY KHÔI	05/11/2005	Nam	11009	
16	110191	NGÔ ĐĂNG THANH LAN	24/04/2005	Nữ	11010	
17	110198	NGUYỄN DUY LINH	13/10/2005	Nam	11010	
18	110200	VŨ ĐĂNG THẢO LINH	01/08/2005	Nữ	11010	
19	110205	HUỖNH THANH LUÂN	07/02/2005	Nam	11010	
20	110207	TĂNG THỊ CẨM LY	19/06/2005	Nữ	11010	
21	110236	KHÔNG THỊ NGỌC NGÂN	15/04/2005	Nữ	11012	
22	110239	NGUYỄN KIM BẢO NGÂN	26/04/2005	Nữ	11012	
23	110269	DƯƠNG BẢO NHI	18/09/2005	Nữ	11013	
24	110280	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	04/01/2005	Nữ	11014	
25	110341	PHẠM TỬ DUY TÂN	04/03/2005	Nam	11017	
26	110349	ĐINH TIẾN THÀNH	15/08/2005	Nam	11017	
27	110350	HOÀNG MINH THÀNH	11/10/2005	Nam	11017	
28	110354	HUỖNH LÊ KIM THẢO	24/10/2005	Nữ	11017	
29	110359	LÊ THỊ HỒNG THẨM	24/09/2005	Nữ	11018	
30	110362	NGUYỄN THỊ ANH THI	17/02/2005	Nữ	11018	
31	110363	NGUYỄN ĐƯỜNG NHẬT THIÊN	26/08/2005	Nam	11018	
32	110377	BÙI ANH THƯ	08/04/2005	Nữ	11018	
33	110403	ĐẶNG NGUYỄN CẨM TIÊN	25/05/2005	Nữ	11020	
34	110422	NGUYỄN THỦY TRÂM	27/11/2005	Nữ	11021	
35	110432	NGUYỄN HOÀNG MINH TRÍ	15/11/2005	Nam	11021	
36	110435	LÊ THÀNH TRUNG	06/11/2005	Nam	11021	
37	110457	NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	01/01/2005	Nữ	11022	
38	110458	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	25/10/2005	Nữ	11023	
39	110469	LÊ HOÀNG VŨ	30/09/2005	Nam	11023	
40	110484	NGUYỄN VÕ KHÁNH VY	26/07/2005	Nữ	11024	
41	110489	TRẦN THẢO VY	15/11/2005	Nữ	11024	
42	110492	VÕ THÚY VY	20/10/2005	Nữ	11024	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a11

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110011	LÊ QUỐC ANH	29/10/2005	Nam	11001	
2	110025	TRƯƠNG THỊ HỒNG ÁNH	26/01/2005	Nữ	11002	
3	110038	TRINH HỒ GIA BẢO	12/07/2005	Nam	11002	
4	110048	NGUYỄN THỊ HÀ CHÂU	06/07/2005	Nữ	11003	
5	110057	BÙI ĐĂNG DUY	28/05/2005	Nam	11003	
6	110070	NGUYỄN TÂN DŨNG	08/03/2005	Nam	11004	
7	110079	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	16/01/2005	Nam	11004	
8	110095	ĐÀO MINH HẢI	23/05/2005	Nam	11005	
9	110111	BÙI THỊ THU HIỀN	16/11/2005	Nữ	11006	
10	110113	LÊ NGUYỄN MỸ HIỀN	23/08/2005	Nữ	11006	
11	110116	NGUYỄN CHÍ HIỀN	18/06/2005	Nam	11006	
12	110120	TRẦN THỊ XUÂN HIỀN	30/08/2005	Nữ	11006	
13	110137	TRƯƠNG LÊ HỒNG	18/12/2005	Nữ	11007	
14	110139	ĐỖ NHẬT HUY	06/04/2005	Nam	11007	
15	110154	NGUYỄN NHỰT KHANG	27/08/2005	Nam	11008	
16	110164	VÕ NGỌC KHÁNH	01/09/2005	Nữ	11008	
17	110172	ĐOÀN TRẦN ANH KHÔI	16/03/2005	Nam	11009	
18	110178	TRẦN NGUYỄN VIỆT KHÔI	23/10/2005	Nam	11009	
19	110181	LÊ TRUNG KIẾN	13/06/2005	Nam	11009	
20	110189	TRƯƠNG THẾ KIỆT	05/07/2005	Nam	11009	
21	110194	ĐỖ NGUYỄN KHÁNH LINH	28/11/2005	Nữ	11010	
22	110216	NGUYỄN DIỄM MY	21/09/2005	Nữ	11011	
23	110229	NGUYỄN TRỌNG NAM	02/11/2005	Nam	11011	
24	110264	ĐÀO THIÊN NHÂN	07/10/2005	Nam	11013	
25	110272	KIỀU YẾN NHI	17/05/2005	Nữ	11013	
26	110312	TRẦN BẢO PHƯƠNG	02/11/2005	Nữ	11015	
27	110324	NGUYỄN QUỐC SANG	16/10/2005	Nam	11016	
28	110325	PHẠM VĂN SANG	13/11/2005	Nam	11016	
29	110329	ĐÌNH XUÂN TÀI	28/05/2005	Nam	11016	
30	110348	TRẦN THANH THANH	12/07/2005	Nữ	11017	
31	110355	LÊ NGỌC PHƯƠNG THẢO	04/11/2005	Nữ	11017	
32	110358	HUỲNH NGUYỄN THẾ THẠCH	04/10/2005	Nam	11018	
33	110361	NGUYỄN KIM THỊ	22/02/2005	Nữ	11018	
34	110376	LÝ THỊ DIỄM THỦY	16/10/2004	Nữ	11018	
35	110396	VÕ NGỌC ANH THƯ	11/09/2005	Nữ	11019	
36	110412	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	20/04/2005	Nữ	11020	
37	110460	VÕ NGUYỄN NHẢ UYÊN	27/09/2005	Nữ	11023	
38	110465	TRẦN KHÁNH VÂN	10/02/2005	Nữ	11023	
39	110470	TÀ QUỐC VƯỢNG	04/09/2004	Nam	11023	
40	110473	LÂM TUYẾT VY	09/04/2005	Nữ	11023	
41	110477	LƯU THẢO VY	05/10/2005	Nữ	11023	

DANH SÁCH THÍ SINH
Lớp 11a12

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã Phòng thi	Ghi chú
1	110009	LÊ ĐÌNH ĐỨC ANH	15/10/2005	Nam	11001	
2	110016	NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG ANH	11/09/2005	Nữ	11001	
3	110036	TRẦN QUỐC BẢO	20/09/2005	Nam	11002	
4	110055	PHAN KHẢ DOANH	11/09/2005	Nữ	11003	
5	110077	PHÙNG BÁ ĐẠI	29/10/2005	Nam	11004	
6	110086	NGUYỄN THÀNH ĐĂNG	23/08/2005	Nam	11005	
7	110093	LÂM TUẤN HÀO	06/12/2005	Nam	11005	
8	110099	LÊ NGỌC GIA HÂN	27/10/2005	Nữ	11005	
9	110124	TRẦN HOÀNG HIỆP	09/06/2005	Nam	11006	
10	110129	NGUYỄN HUY HOÀNG	30/09/2005	Nam	11007	
11	110134	HUỲNH DƯƠNG KHÁNH HÒA	18/06/2005	Nữ	11007	
12	110163	PHẠM MINH KHÁNH	03/10/2005	Nam	11008	
13	110166	LÊ MINH KHOA	01/09/2005	Nam	11008	
14	110197	LÊ KHÁNH LINH	01/11/2005	Nữ	11010	
15	110203	NGUYỄN HOÀNG LONG	28/08/2005	Nam	11010	
16	110209	NGUYỄN LÊ KHÁNH MAI	19/10/2005	Nữ	11010	
17	110210	NGUYỄN LÊ THANH MAI	13/12/2005	Nữ	11010	
18	110211	NGUYỄN THỊ THANH MAI	02/12/2005	Nữ	11011	
19	110224	LÊ HOÀNG NAM	22/11/2005	Nam	11011	
20	110226	NGUYỄN LÊ NHẬT NAM	26/04/2005	Nam	11011	
21	110230	NGUYỄN VĂN NAM	26/05/2005	Nam	11011	
22	110247	NHỮ NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	22/12/2005	Nữ	11012	
23	110284	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	16/10/2005	Nữ	11014	
24	110289	LÊ MINH NHỰT	21/08/2005	Nam	11014	
25	110295	NGÔ NGUYỄN ĐỨC PHÚ	12/01/2005	Nam	11015	
26	110311	NGUYỄN THỊ KIỀU PHƯƠNG	21/09/2005	Nữ	11015	
27	110328	HỒ THỊ TUYẾT SƯƠNG	04/07/2005	Nữ	11016	
28	110357	VƯƠNG LÊ PHƯƠNG THẢO	24/10/2005	Nữ	11017	
29	110364	NGUYỄN THÔNG THIÊN	17/11/2005	Nam	11018	
30	110371	VÕ HỮU THỌ	21/07/2005	Nam	11018	
31	110381	ĐỖ NGUYỄN MINH THƯ	28/07/2005	Nữ	11019	
32	110386	LÊ THỊ ANH THƯ	03/09/2005	Nữ	11019	
33	110388	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	26/07/2005	Nữ	11019	
34	110405	NGUYỄN THỊ NGỌC TIẾN	07/12/2005	Nữ	11020	
35	110420	NGUYỄN HƯƠNG TRÂM	23/06/2005	Nữ	11021	
36	110429	NGUYỄN HƯƠNG TRÂM	23/06/2005	Nữ	11021	
37	110433	ĐẶNG NGUYỄN MINH TRỌNG	29/12/2005	Nam	11021	
38	110440	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	13/08/2005	Nữ	11022	
39	110445	TRẦN ANH TUẤN	26/07/2005	Nam	11022	
40	110471	DƯƠNG NGỌC BẢO VY	15/01/2005	Nữ	11023	
41	110475	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VY	04/03/2005	Nữ	11023	
42	110496	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	17/05/2005	Nữ	11024	